TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2024/KDTM-ST
Ngày: 05-8-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thanh Thúy;
2. Ông Trần Văn Hưng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2024/TLST-KDTM ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2024/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: **Công ty Cổ phần C**. Địa chỉ: Khu công nghiệp G, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chen Cheng J - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Sỹ T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số E đường C phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- ***Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T2.** Địa chỉ: Số B đường số C ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mộng L, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Sỹ T trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T2 (gọi tắt là Công ty T2) là đại lý bán hàng của Công ty Cổ phần C (gọi tắt là Công ty C) chi nhánh C1. Ngày 01/3/2023 hai bên có ký kết Hợp đồng kinh tế số: HDD821.A23.027. Quá trình thực hiện hợp đồng như sau:

Ngày 26/4/2023 Công ty T2 đặt mua hàng của Công ty C với giá trị là 161.784.000 đồng, Công ty C tiến hành xuất hóa đơn số 00002709 bao gồm các mã số sau: P67542 (loại 1) 345 thùng, G49005 (Loại 1) 390 thùng. Công ty C đã tiến hành giao hàng theo như thỏa thuận và có ký giao nhận giữa hai bên. Theo điều 6 của Hợp đồng kinh tế số: HDD821.A23.027 thì thời hạn thanh toán cho đơn hàng là 15 ngày (tức ngày 11/5/2023) nhưng từ khi nhận hàng cho đến nay Công ty T2 vẫn chưa thanh toán cho Công ty C số tiền nêu trên.

Ngày 25/7/2023 Công ty C có phát hành hai công văn thu hồi nợ cho phía Công ty T2 và phía Công ty T2 có ký xác nhận và hứa sẽ thanh toán phần công nợ trên nhưng đến ngày 27/12/2023 Công ty C vẫn chưa nhận được khoản thanh toán nào từ phái công ty T2, trong thời gian trên Công Ty C nhiều lần cử nhân viên đến gặp ông Nguyễn Mộng L để thương lượng nhưng vẫn không gặp được ông L. Do Công ty T2 đã vi phạm hợp đồng nên Công ty C đã chấm dứt hợp đồng đại lý với Công ty T2 bắt đầu từ ngày 01/9/2023.

Tại phiên tòa Công ty Cổ phần C yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T2 phải trả cho Công ty Cổ phần C gốm sứ Taicera số tiền 161.784.000 đồng và nợ lãi phát sinh từ ngày 28/12/2023 đến ngày 05/8/2024 với lãi suất là 0,6%/tháng.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Mộng L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông ông Nguyễn Mộng L vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Quan điểm phát biểu của Viện kiểm sát đề nghị tại văn bản ngày 05 tháng 8 năm 2024 đã lưu trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn Công ty Cổ phần C với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T2; là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Người đại diện theo pháp luật Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T2 là ông Nguyễn Mông L1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Nguyễn Mông L1 vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện theo pháp luật Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T2.

[3] Về nội dung vụ án: Công ty Cổ phần C yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T2 phải trả cho Công ty Cổ phần C gồm sứ Taicera số tiền 161.784.000 đồng và nợ lãi phát sinh từ ngày 28/12/2023 đến ngày 05/8/2024 với lãi suất là 0,6%/tháng.

[3.1] Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiệnlà "*Hợp đồng kinh tế số: HDD821.A23.027 ngày 01/3/2023 được ký ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn; Văn bản đề nghị thanh toán nợ từ tháng 6 đến tháng 9/2023 đều có xác nhận của Công ty T2, Đơn đặt hàng ngày 26/4/2023, biên bản giao nhận hàng hóa ngày 26/4/2023*".

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng kinh tế số: HDD821.A23.027 ngày 01/3/2023 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại. Do vậy, có cơ sở xác định Hợp đồng kinh tế số: HDD821.A23.027 ngày 01/3/2023 là hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận của Hợp đồng.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: Căn cứ Hợp đồng kinh tế số: HDD821.A23.027 ngày 01/3/2023; Đơn đặt hàng ngày 26/4/2023, biên bản giao nhận hàng hóa ngày 26/4/2023; Văn bản đề nghị thanh toán nợ ngày 6/6/2023; ngày 25/7/2023, ngày 17/8/2023, ngày 07/7/2023, ngày 02/8/2023, ngày 05/9/2023 thì bên Công ty C đã thực hiện đúng nghĩa vụ đã giao hàng đúng và đủ cho bị đơn. Riêng bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo cam kết nên bị đơn đã vi phạm tại Điều 6 của Hợp đồng kinh tế số: HDD821.A23.027 ngày 01/3/2023. Do đó, Công ty Cổ phần C yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T2 phải trả cho Công ty Cổ phần C số tiền 161.784.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu nợ lãi phát sinh từ ngày 28/12/2023 đến ngày 05/8/2024 là 07 tháng với lãi suất là 0,6%/tháng là 6.794.928 đồng. Xét thấy do bị đơn vi phạm nghĩa vụ không thanh toán tiền hàng theo cam kết đã ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Mặt khác mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bế Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội là 168.578.928 đồng x 5% =8.428.946 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 24, 40, 48, 50 Luật thương mại; Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C;

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T2 có trách nhiệm trả nợ cho Công ty Cổ phần C số tiền 168.578.928 (Một trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm hai mươi tám) đồng (trong đó nợ gốc 161.784.000 đồng, nợ lãi 6.794.928 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T2 phải nộp là 8.428.946 (Tám triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi sáu) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 4.190.000 (Bốn triệu, một trăm chín mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0004406 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa

có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- VKSND Thành phố Bến Tre; -
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn H – Dương Thị Thanh T1– Huỳnh Thị P

.